

Số: 90 /KH-BCD

Hòa Bình, ngày 19 tháng 01 năm 2016

KẾ HOẠCH

Xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2016

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020”; Hướng dẫn số 822/BCĐQG-XHHT ngày 30/01/2013 của Ban chỉ đạo Quốc gia xây dựng xã hội học tập về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020”; Kế hoạch số 46/KH-UBND, ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch Xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2016, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP (XHHT) VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ (PCGD,XMC) NĂM 2015

I. Công tác xây dựng xã hội học tập

1. Kết quả đạt được

1.1. Mục tiêu 1: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- Số người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1: 584.048/587.509 người, đạt 99,4%; biết chữ mức độ 2: 562.078/587.509 người, đạt 95.7%.

- 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học; phổ cập giáo dục THCS và Xóa mù chữ.

1.2. Mục tiêu 2: Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Tin học (trình độ A trở lên): Toàn tỉnh hiện có 29.453/36.724 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tin học A trở lên, chiếm tỷ lệ trên 80.2%.

- Ngoại ngữ: Toàn tỉnh hiện có 7040/36.724 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (trình độ A2), chiếm 19.2% và có 375/36.724 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (trình độ B1), chiếm 1.0%.

1.3. Mục tiêu 3: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện: Có 21.417/21.417 cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh và cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định, đạt 100%. Có 5262/5264 cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định, đạt 99.8%. Có

18.090/20.730 cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc hàng năm đạt 87.3%.

- *Đối với cán bộ, công chức cấp xã:* Có 5.375/5.375 cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc, đạt 100%. Có 5.581/6.107 cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định, đạt 91.4%. Có 18.090/20.730 công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm, đạt 84.0%.

- *Đối với lao động nông thôn:* Có 275.957/423.499 người lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập công đồng, đạt 65.2%.

- *Đối với công nhân lao động:* Có 40.179/47.797 công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương, đạt 84.1%. Có 14.527/20.026 công nhân có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn, đạt 72.5%. Có 67.279/75.869 công nhân qua đào tạo nghề, đạt 88.7%.

1.4. Mục tiêu 4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Năm 2015, với hình thức dạy kỹ năng sống qua môn học, qua sinh hoạt và đặc biệt là tổ chức các chuyên đề, hoạt động ngoài giờ lên lớp đã thu hút 169.278/205.273 học sinh, sinh viên tham gia, đạt 82.5%.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc tự học, tự bồi dưỡng để tự hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong cán bộ, nhân dân còn hạn chế, bản thân người học còn thụ động và chưa tích cực học tập.

- Chất lượng của một số cơ sở giáo dục còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng cao, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

- Nhu cầu người lao động cần được đào tạo, học tập nâng cao trình độ ngày càng cao nhưng điều kiện của GDTX chưa đáp ứng hết nhu cầu; quy mô, cơ sở vật chất nhỏ, thiếu trang thiết bị và kinh phí thực hiện.

- TTHTCĐ là trường học của nhân dân lao động, là cơ sở thiết yếu để xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên, hiện nay nhiều TTHTCĐ chưa có cơ sở độc lập. Hiệu quả của một số TTHTCĐ chưa cao, nội dung hoạt động chưa đa dạng.

- Một số huyện, thành phố chưa cấp kinh phí chi cho công tác xây dựng XHHT.

II. Công tác phổ cập giáo dục

1. Kết quả đạt được

1.1. Phổ cập mẫu giáo mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (15.152/15.152 cháu).

- Trẻ chuyên cần đạt 97,5%.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 5.8%, thể thấp còi chiếm 4,0%

- Toàn tỉnh có 210/210 xã, phường, thị trấn và 11 huyện, thành phố đạt chuẩn về PCGD Mầm non cho trẻ 5 tuổi tại thời điểm tháng 12 năm 2015.

1.2. Phổ cập giáo dục Tiểu học

- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 15.243/15.243, đạt 100%.

- Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: 11.663/12.164, đạt 95.9%.

- Có 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 2 xã đạt chuẩn mức độ 1, chiếm 0.9%; có 71 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 33.8%; có 137 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3, chiếm 65.3%. Có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học (trong đó có 8 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, có 3 huyện đạt chuẩn mức độ 3).

1.3. Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở

- Độ tuổi 15-18 có bằng TN THCS (tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập THCS): 41.511/44.407 người, đạt tỷ lệ 93.48%.

- Có 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 11 xã đạt chuẩn mức độ 1, chiếm 5.2%; có 155 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 73.8%; có 44 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3, chiếm 21.0%. Có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS (trong đó có 2 huyện đạt chuẩn mức độ 1, có 9 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2).

1.4. Xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ mức độ 1: 314.346/314.936 người, đạt 99,8%; biết chữ mức độ 2: 313.164/314.936 người, đạt 99.4%.

- Số người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1: 584.048/587.509 người, đạt 99,4%; biết chữ mức độ 2: 562.078/587.509 người, đạt 95.7%.

- 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Xóa mù chữ, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 9 xã đạt mức độ 1, chiếm 4.3%; có 201 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 95.7%. Có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn Xóa mù chữ (trong đó có 2 huyện đạt chuẩn mức độ 1, có 9 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2) tại thời điểm tháng 12/2015.

Đối chiếu kết quả đạt được của các huyện, thành phố với các tiêu chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 công nhận 11 huyện, thành phố Hoà Bình đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD tiểu học (trong đó có 8 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, có 3 huyện đạt chuẩn mức độ 3). 11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS (trong đó có 2 huyện đạt chuẩn mức độ 1, có 9 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2). 11 huyện, thành phố đạt chuẩn Xóa mù chữ (trong đó có 2 huyện đạt chuẩn mức độ 1, có 9 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2) tại thời điểm tháng 12/2015.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số thành viên Ban chỉ đạo XD XHHT & PCGD do phải kiêm nhiệm nhiều công việc ở các cương vị lãnh đạo nên có nơi, có lúc việc chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC chưa thường xuyên.

- Năm 2015, là năm đầu tiên triển khai công tác PCGD, XMC theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ nên một số cán bộ, giáo viên làm công tác PCGD, XMC chưa có nhiều kinh nghiệm về công tác điều tra, đăng nhập Hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm.

- Tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học ở một số xã còn thấp (2 xã đạt chuẩn mức độ 1); số người trong độ tuổi 15 đến 60 mù chữ mức độ 2 còn chiếm tỷ lệ cao (4,3% với 25.431 người).

- Kinh phí chi cho công tác PCGD, XMC còn ít chủ yếu là kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia; công tác xã hội hóa huy động nguồn lực dành cho công tác PCGD, XMC còn hạn chế và không thường xuyên.

B. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM 2016

I. Kế hoạch xây dựng xã hội học tập

1. Mục tiêu

1.1. Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- 99.5% trở lên người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 96% trở lên người biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).

- 85% số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không tái mù chữ trở lại.

- 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thành phố củng cố vững chắc kết quả đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ 5 tuổi; Xóa mù chữ; PCGD Tiểu học; PCGD Trung học cơ sở.

1.2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trên 80% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm (có trình độ tin A trở lên).

- Trên 20% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) và 3% có trình độ bậc 3 (B1).

1.3. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện: 100% được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định. Trên 99% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định. Trên 90% cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc.

- Đối với cán bộ công chức cấp xã: 100% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc. Trên 92% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định. Trên 85% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm.

- Đối với lao động nông thôn: Trên 65% lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng.

- Đối với công nhân lao động: Trên 85% công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương; tăng tỷ lệ lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn lên trên 73%; Trên 90% công nhân qua đào tạo nghề.

1.4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Tăng dần tỷ lệ học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn. Trong đó phần đầu trên 85% học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Đối với Ban chỉ đạo cấp tỉnh

- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập năm 2016.

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện “Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình” tại các huyện, thành phố.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành viên Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành quản lý đi học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ đáp ứng các mục tiêu đề ra.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các huyện, thành phố.

- Chỉ đạo tổ chức tốt Tuần lễ giáo dục cho mọi người (tháng 4/2016) và Tuần lễ học tập suốt đời (tháng 10/2016).

- Chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện kinh phí phục vụ công tác xây dựng XHHT theo Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình.

2.2 Đối với Ban chỉ đạo cấp huyện

** Ban chỉ đạo cấp huyện*

- Tham mưu với huyện ủy, thành ủy, UBND huyện, thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo công tác xây dựng XHHT.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT năm 2016.
- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện “Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình” tại các xã, phường, thị trấn.
- Tổ chức thực hiện tốt Tuần lễ giáo dục cho mọi người (tháng 4/2016) và Tuần lễ học tập suốt đời (tháng 10/2016) nhằm tuyên truyền và huy động các nguồn lực cho công tác xây dựng xã hội học tập.
- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các xã, phường, thị trấn.
- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện, thành phố tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động.
- Phối hợp với các khu công nghiệp, khu chế xuất đào tạo nghề cho công nhân và nâng cao trình độ học vấn THPT hoặc tương đương cho công nhân.

** Phòng Giáo dục và Đào tạo*

- Chủ động tham mưu cho UBND cấp huyện triển khai thực hiện kinh phí phục vụ công tác xây dựng XHHT theo Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2020.
- Đánh giá thực trạng trình độ Tin học (A trở lên), Ngoại ngữ bậc 2 (A2), bậc 3 (B1) đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của phòng GD&ĐT, các trường THCS, Tiểu học, Mầm non để xây dựng kế hoạch cử đi học nâng cao trình độ Tin học, Ngoại ngữ.
- Rà soát trình độ chuyên môn theo quy định vị trí việc làm, cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn và vượt chuẩn; tham gia chế độ bồi dưỡng thường xuyên và các kỳ bồi dưỡng khác của các bậc học.
- Chỉ đạo các trường THCS, Tiểu học, Mầm non dạy học kỹ năng sống cho học sinh.
- Chỉ đạo các Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho lao động nông thôn, dạy nghề cho công nhân. Tổ chức dạy kỹ năng sống cho người lao động tại TTHTCĐ.
- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng xã hội học tập về Sở GD&ĐT theo quy định.

** Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở GD&ĐT*

- Thống kê trình độ Tin học (A trở lên), Ngoại ngữ bậc 2 (A2), bậc 3 (B1), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị, trường học để huy động tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ; đào tạo đạt chuẩn và vượt chuẩn; tham gia chế độ bồi dưỡng bắt buộc.

- Tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.
- Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tổ chức các lớp dạy nghề, các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho lao động nông thôn; tổ chức các lớp tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tổ chức các lớp tin học, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu người học.
- Trung tâm Kỹ thuật - Tổng hợp - Hướng nghiệp và các trường Chuyên nghiệp tổ chức các lớp dạy nghề cho người lao động.
- Báo cáo kết quả cán bộ, giáo viên được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống về phòng GD&ĐT- cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp huyện.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí được phê duyệt tại Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình; được thẩm định về nguồn ngân sách, nội dung chi, mức chi tại Công văn số 1066/SKHĐT-VX ngày 13/8/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 1748/STC-HCSN ngày 06/8/2013 của Sở Tài chính; Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2020.

3.1. Kinh phí hỗ trợ thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước, sử dụng trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, năm 2016:

- Tại Sở GD&ĐT:

+ Các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập (Tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời; Tuần lễ giáo dục cho mọi người, Hội thi tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập).

+ Đào tạo, bồi dưỡng (tập huấn đội ngũ cán bộ, GV các cơ sở GDTX; tập huấn kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, học viên ...).

+ Hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Kiểm tra, đánh giá, thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết ...).

- Tại phòng GD&ĐT:

+ Các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập;

+ Biên tập, cung cấp tài liệu cho các TTHTCD xã, phường, thị trấn;

+ Đào tạo, bồi dưỡng (tập huấn đội ngũ cán bộ, GV các cơ sở GDTX; tập huấn kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, học viên ...).

+ Hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp (Kiểm tra, đánh giá, thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết ...).

- Tại các đơn vị trường học trực thuộc Sở GD&ĐT:

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị để bố trí nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

3.2 Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

3.3 Nguồn kinh phí được lồng ghép qua kinh phí hoạt động thường xuyên và kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đã và đang thực hiện.

II. Kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Mục tiêu

1.1. Đối với phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi:

- Huy động 100% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi ra lớp và được học 2 buổi/ngày. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt 97.5% trở lên; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi xuống dưới 5.0%.

- 210/210 xã, phường, thị trấn và 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

1.2. Đối với công tác PCGD Tiểu học:

- Huy động 100 trẻ em ở độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1;

- Đạt trên 96% trở lên số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học;

- Phần đầu 160/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3; 50/210 xã phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 2.

- 4/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3; 7/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 2.

1.3. Công tác PCGD Trung học cơ sở:

- Huy động 22 lớp 214 học viên học các lớp Bổ túc THCS (Danh sách các đơn vị mở lớp theo Phụ lục 1 đính kèm).

- Độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 94,0% trở lên.

- Phần đầu có 75/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 3; có 128/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 2; có 7/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 1.

- 9/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 2; 2/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 1.

1.4. Công tác Xóa mù chữ:

- Huy động 66 lớp 1540 học viên học các lớp XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (Danh sách các đơn vị mở lớp theo Phụ lục 1 đính kèm).

- 99,9% người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 99.5% biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).

- 99.5% trở lên người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1 và 96% trở lên người biết chữ mức độ 2.

- Phần đầu 207/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 3/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

- 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

(Các mục tiêu cụ thể theo Phụ lục 2 đính kèm)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp. Kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban thư ký xây dựng XHHT và PCGD các cấp. Các ban, ngành thành viên Ban chỉ đạo xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo chức năng riêng của từng ngành. Tổ chức các Hội nghị triển khai, hướng dẫn về công tác PCGD, XMC.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cán bộ và nhân dân hiểu đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm trong việc thực hiện PCGD, XMC. Báo Hoà Bình, Đài truyền thanh truyền hình tỉnh, Đại phát thanh và truyền hình các huyện, thành phố tăng cường các bài viết, phóng sự về công tác PCGD, XMC.

- Tổng điều tra PCGD, XMC vào tháng 9/2016; tiến hành đăng nhập chính xác số liệu vào Hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC theo đúng thời gian quy định; trên cơ sở đó kiểm tra, đánh giá thực trạng trình độ dân trí của xã, phường, thị trấn và huyện, thành phố; đề nghị UBND tỉnh công nhận các huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2016.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo các chuyên đề, tổ chức dự giờ thăm lớp, áp dụng hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, nâng cao chất lượng bài soạn, đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng đồ dùng, thí nghiệm, tổ chức sinh hoạt truyền thống nhằm duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng đối với các lớp phổ cập theo phương thức chính qui.

- Các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp cung cấp danh sách học sinh đang học và danh sách học sinh tốt nghiệp cho các phòng GD&ĐT phục vụ công tác điều tra, thống kê biểu mẫu PCGD, XMC.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương huy động các đối tượng mù chữ, bỏ học THCS ra học các lớp bổ túc. Huy động và duy trì đảm bảo số lượng học sinh Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX, TTGDNN ra lớp.

- củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các trung tâm GDTX, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm học tập cộng đồng, tạo cơ hội cho các đối tượng học phổ cập và củng cố kết quả biết chữ.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo phong trào toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, trong đó có phổ cập giáo dục. Tập trung các nguồn lực (ngân sách, cơ sở vật chất, đội ngũ) cho PCGD, XMC.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, Xóa mù chữ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác PCGD, XMC.

3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của nhà nước và các nguồn huy động từ xã hội hóa giáo dục cho công tác PCGD, XMC.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2016, đề nghị Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD tỉnh (Sở GD&ĐT) để xem xét, giải quyết./. 

Nơi nhận:

- Các thành viên BCĐ XDXHHT&PCGD tỉnh;
- Ban chỉ đạo XDXHHT&PCGD huyện, TP;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng CN, CM, NV Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website ngành;
- Lưu: TT (HK50).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

Bùi Trọng Đắc

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG HỌC VIÊN CÁC LỚP PCGD, XMC 2016
(Kèm theo Kế hoạch số 90 /KH-BCĐ ngày 19 /01/2016 của Ban chỉ đạo XD
XHHT và PCGD tỉnh Hòa Bình)

1. Số lớp, học viên học Xóa mù chữ và Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ

Đơn vị	Tổng số		Trong đó									
	Số lớp	Số HV	Xóa mù chữ						GDTT sau khi biết chữ			
			Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 1		Mức 2	
			Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
Cao Phong	3	55							3	55		
Đà Bắc	12	265	4	89							8	176
Kim Bôi	6	176									6	180
Kỳ Sơn	2	50			1	25			1	25		
Lạc Sơn	3	60					1	20	1	20	1	20
Lạc Thủy	4	90									4	90
Lương Sơn	4	160			2	80	2	80				
Mai Châu	10	164	5	69	5	95						
Tân Lạc	3	78									3	78
Thành phố	0	0										
Yên Thủy	19	438							16	373	3	65
Cộng	66	1540	9	158	8	200	3	100	21	473	25	609

2. Số lớp, học viên học Bổ túc THCS

Đơn vị	Tổng số		Trong đó							
	Số lớp	Số HV	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
			Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
Cao Phong	0									
Đà Bắc	1	14							1	14
Kim Bôi	2	21					1	13	1	8
Kỳ Sơn	1	10					1	10		
Lạc Sơn	2	24					1	12	1	12
Lạc Thủy	0									
Lương Sơn	0									
Mai Châu	7	38	5	22	1	7	1	9		
Tân Lạc	3	34	3	34						
Thành phố	0	0								
Yên Thủy	6	73					3	35	3	38
Cộng	22	214	8	56	1	7	7	79	6	72